



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**
Số: **09** /2026/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Cao Bằng, ngày **04** tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác tổ chức thi hành văn bản
quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính
phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp;

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong
công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công
tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **14** tháng **3** năm
2026 và thay thế Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy chế phối hợp trong công tác
theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp;
Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ
quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KTVB&TCTHPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- VP UBND tỉnh: các PCVP, NC, TTTTHN;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Lưu: VT, NC(LVA).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Hải Hòa

QUY CHẾ

Phối hợp trong công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 09 /2026/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3
năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.
- Các nội dung không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi chung là các sở, ban, ngành).
- Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã).
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

- Tuân thủ quy định của pháp luật về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.
- Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật; không trùng lặp, chồng chéo với các hoạt động thuộc phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước đã được pháp luật quy định.
- Khách quan, công khai, minh bạch, thường xuyên, kịp thời và hiệu quả, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm.

Điều 4. Nội dung phối hợp

- Xây dựng kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật; kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật.
- Thu thập thông tin về thi hành văn bản quy phạm pháp luật; cung cấp thông tin về tổ chức thi hành pháp luật.

3. Kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật.
4. Tiếp nhận và xử lý kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật.
5. Báo cáo về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.
6. Sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 5. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi lấy ý kiến bằng văn bản; cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.
2. Tổ chức họp, hội thảo, tọa đàm, sơ kết tổng kết công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.
3. Tham gia đoàn kiểm tra, thu thập thông tin về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.
4. Các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II NỘI DUNG PHỐI HỢP CỤ THỂ

Điều 6. Xây dựng kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Xây dựng kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Căn cứ nhiệm vụ được giao và tính chất, nội dung của văn bản quy phạm pháp luật, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày văn bản được thông qua hoặc ban hành, các sở, ban, ngành tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực, ngành quản lý; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định ban hành kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật nếu cần thiết.

Kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật gồm một trong các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, xác định kết quả cụ thể của từng nhiệm vụ, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và thời hạn thực hiện.

2. Xây dựng kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

a) Trách nhiệm của Sở Tư pháp

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch trọng tâm, liên ngành, căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân về kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và ngân sách địa phương, kết quả hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân cùng cấp, kiến nghị của cử tri và thực tiễn thi hành pháp luật ở địa phương, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của địa phương và gửi về Bộ Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

Tổng hợp, theo dõi, đôn đốc việc ban hành và thực hiện kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan, địa phương.

b) Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã

Hàng năm, căn cứ kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tình hình thực tiễn thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực, địa phương; các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng, ban hành kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật nếu cần thiết. Trong quá trình thực hiện kế hoạch nếu có phát sinh hoặc thay đổi, các cơ quan, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp.

Tham gia ý kiến vào dự thảo kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo đề nghị của Sở Tư pháp.

Điều 7. Tiếp nhận và xử lý kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật

1. Việc tiếp nhận và xử lý kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Trường hợp kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật thì việc tiếp nhận và xử lý kiến nghị được thực hiện theo quy định về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 8. Thu thập thông tin về thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thu thập, cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý theo các nguồn quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

b) Căn cứ kết quả thu thập thông tin về thi hành văn bản quy phạm pháp luật tại điểm a khoản 1 Điều này, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý kết quả theo một hoặc một số nội dung quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

c) Báo cáo kết quả việc xử lý hoặc tham mưu xử lý về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu xử lý kết quả thi hành pháp luật để báo cáo Bộ Tư pháp tổng hợp, theo dõi.

2. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp báo cáo việc xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu xử lý kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật gửi Bộ Tư pháp tổng hợp, theo dõi; tổng hợp kết quả xử lý trong báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật hàng năm gửi Bộ Tư pháp.

Điều 9. Cung cấp thông tin về tổ chức thi hành pháp luật

Căn cứ yêu cầu cụ thể của từng hoạt động tổ chức thi hành pháp luật, các cơ quan, tổ chức phối hợp cung cấp thông tin về tổ chức thi hành pháp luật theo các nội dung sau:

1. Đề nghị Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh cung cấp các thông tin, kết quả giám sát việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật khi nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, trừ trường hợp có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

2. Đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh cung cấp thông tin về việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, hoạt động xét xử.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức trực thuộc cung cấp thông tin về việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật từ hoạt động giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật thuộc phạm vi giám sát của Mặt trận.

Điều 10. Kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

Căn cứ vào kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật hàng năm, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập đoàn kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật đối với cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Phối hợp với Sở Tư pháp trong kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Cử đại diện tham gia hoạt động kiểm tra việc tổ chức thi hành pháp luật theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

3. Cơ quan, tổ chức là đối tượng kiểm tra có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan; giải trình những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra; tạo điều kiện thuận lợi để đoàn kiểm tra hoàn thành nhiệm vụ.

4. Trình tự, thủ tục; nội dung kiểm tra; việc ban hành kết luận kiểm tra và đơn đốc thực hiện kết luận kiểm tra; kiểm tra việc thực hiện kết luận được thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 14 của Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

Điều 11. Sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Các sở, ban, ngành có trách nhiệm tham mưu cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo tổ chức sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành.

2. Việc sơ kết, tổng kết được thực hiện dựa trên một trong các căn cứ sau:

- a) Theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản;
- b) Theo đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền.

3. Hình thức sơ kết tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Căn cứ vào tính chất của văn bản quy phạm pháp luật, nội dung, yêu cầu của việc sơ kết, tổng kết, cơ quan có trách nhiệm tổ chức sơ kết, tổng kết lựa chọn một trong các hình thức sau đây:

- a) Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết;
- b) Tổng hợp thông tin, xây dựng báo cáo sơ kết, tổng kết;

4. Nội dung báo cáo sơ kết tổng kết thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp báo cáo sơ kết, tổng kết theo yêu cầu.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 12. Chế độ báo cáo

1. Báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật định kỳ hàng năm

a) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, xây dựng báo cáo công tác tổ chức thi hành pháp luật trong phạm vi địa phương, lĩnh vực được phân công quản lý gửi về Sở Tư pháp trước ngày 18 tháng 12 của kỳ báo cáo.

b) Sở Tư pháp tổng hợp, xây dựng báo cáo công tác tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề báo cáo Bộ Tư pháp trước ngày 25 tháng 12 của kỳ báo cáo.

c) Thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ hàng năm tính từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

d) Nội dung báo cáo theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

2. Báo cáo tình hình xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật

a) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình xử lý các kiến nghị về việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

b) Nội dung báo cáo theo mẫu quy định tại Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

3. Báo cáo đột xuất, báo cáo theo chuyên đề

a) Khi có yêu cầu của Bộ Tư pháp hoặc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã; Văn phòng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với các phòng, đơn vị chuyên môn tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng báo cáo tổ chức thi hành pháp luật theo chuyên đề hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

b) Nội dung báo cáo theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

Điều 13. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí cho công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm và sử dụng trong dự toán ngân sách được giao hàng năm của đơn vị.

2. Việc thanh quyết toán kinh phí công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền theo quy định của pháp luật có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp theo quy định.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Quy chế nếu có vấn đề phát sinh hoặc có khó khăn, vướng mắc các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tư pháp để kịp thời tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết. / 